

Số: /NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

Dự thảo ngày
/ /2026

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 50/2014/NĐ-CP
ngày 20/5/2014 về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số ;

Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 7, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Sinh lời là có chênh lệch dương giữa tổng thu nhập trừ tổng chi phí đầu tư toàn bộ dự trữ ngoại hối chính thức trong năm tài khóa, không bao gồm thu nhập và chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư vàng”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Cơ cấu đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức bao gồm: Tỷ lệ của các loại ngoại tệ và khối lượng vàng; tỷ lệ đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ, chứng khoán, các loại giấy tờ có giá và các hình thức đầu tư khác trong dự trữ ngoại hối chính thức và mức ngoại tệ tối đa để mua vàng trên thị trường quốc tế của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Tiêu chuẩn đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước bao gồm: Mức xếp hạng tín nhiệm của đối tác được phép đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước, loại chứng khoán, giấy tờ có giá được phép đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước là mức ngoại hối tối đa được phép đầu tư theo đối tác và hình thức đầu tư do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.”

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Can thiệp thị trường trong nước là hoạt động mua, bán, hoán đổi, quyền chọn ngoại tệ và vàng hoặc các hình thức can thiệp khác của Ngân hàng Nhà nước trên thị trường trong nước nhằm mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia.”

2. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 5 như sau:

“4a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế.”

3. Bổ sung Điều 5a như sau:

“Điều 5a. Quyền rút vốn đặc biệt của Quỹ Tiền tệ quốc tế

Ngân hàng Nhà nước ghi nhận Quyền rút vốn đặc biệt được Quỹ Tiền tệ quốc tế phân bổ, phân phối vào Quỹ Dự trữ ngoại hối.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 5a vào Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Cơ sở xây dựng cơ cấu đầu tư của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng:

a) Mục tiêu chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá và giá vàng;

b) Tình hình biến động tỷ giá và giá vàng trên thị trường ngoại hối trong nước và quốc tế;

c) Tỷ trọng các loại ngoại tệ trong giao dịch mua, bán giữa tổ chức tín dụng với khách hàng trên thị trường ngoại hối trong nước.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Định kỳ hàng năm và khi cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định cơ cấu đầu tư dự trữ ngoại hối chính thức và báo cáo Thủ

tướng Chính phủ.”

c) Bổ sung khoản 5a như sau:

“5a. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định tiêu chuẩn, hạn mức đầu tư dự trữ ngoại hối nhà nước và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.”

5. Bỏ Điều 8.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Việc mua, bán ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với ngân sách nhà nước

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm gửi toàn bộ số ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước, trừ những loại ngoại tệ mà Kho bạc Nhà nước chưa được mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước.

2. Hàng năm, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hạn mức ngoại tệ được phép giữ lại để chi thường xuyên bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi đầu tư phát triển bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước, chi trả nợ nước ngoài (gốc, lãi) của Chính phủ và các nhu cầu chi ngoại tệ thường xuyên khác của ngân sách nhà nước.

3. Trên cơ sở hạn mức ngoại tệ được Thủ tướng Chính phủ cho phép giữ lại, Bộ Tài chính có trách nhiệm bán toàn bộ số ngoại tệ còn lại cho Ngân hàng Nhà nước để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước từ chối mua ngoại tệ, Bộ Tài chính bán cho các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối.

Hàng năm, chậm nhất đến ngày 31 tháng 3, Bộ Tài chính có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông báo kế hoạch bán ngoại tệ trong năm chi tiết theo quý để bổ sung dự trữ ngoại hối chính thức.

4. Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính mua ngoại tệ từ các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và có thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước về việc mua ngoại tệ từ thị trường, chi tiết theo loại ngoại tệ, số lượng và thời điểm dự kiến mua.

Trường hợp Bộ Tài chính không tự cân đối được ngoại tệ từ ngân sách nhà nước, các Quỹ, các nguồn ngoại tệ khác do Bộ Tài chính quản lý và từ mua ngoại tệ trên thị trường cho các nhu cầu chi ngoại tệ của ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước bán ngoại tệ cho ngân sách nhà nước”.

7. Bổ sung Điều 12a như sau:

“Điều 12a. Giao dịch ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt

Giao dịch ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt để hỗ trợ thanh khoản cho tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 và bổ sung khoản 7 vào Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Can thiệp thị trường trong nước.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Bán hoặc tạm ứng ngoại tệ cho các nhu cầu ngoại hối phát sinh từ các nghiệp vụ tác nghiệp, quản lý của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm trả phí nước ngoài, góp vốn và trả các khoản đóng góp vào các tổ chức quốc tế, mua sắm trang thiết bị, phần mềm quản lý từ nước ngoài, thuê chuyên gia nước ngoài và các nhu cầu ngoại hối khác phục vụ tác nghiệp, quản lý của Ngân hàng Nhà nước.”

c) Bổ sung khoản 7 vào Điều 16 như sau:

“7. Thực hiện các nghiệp vụ khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 17 như sau:

“1. Hạn mức ngoại hối của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc điều chỉnh Hạn mức ngoại hối của Quỹ bình ổn tỷ giá và quản lý thị trường vàng khi cần thiết.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 thành:

“Điều 18. Can thiệp thị trường trong nước

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phương án can thiệp khi cần thiết trên cơ sở các yếu tố sau đây:

a) Mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia;

b) Tình hình thị trường ngoại tệ đối với trường hợp can thiệp trên thị trường ngoại tệ trong nước;

c) Tình hình thị trường vàng trong nước đối với trường hợp can thiệp thị

trường vàng trong nước;

d) Tình hình thanh khoản đồng Việt Nam đối với trường hợp can thiệp liên quan đến thanh khoản đồng Việt Nam trên thị trường trong nước.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hình thức can thiệp khác quy định tại khoản 2 Điều này.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“Điều 22. Hạch toán kế toán

1. Dự trữ ngoại hối nhà nước được hạch toán theo nguyên tệ (theo khối lượng đối với vàng) và đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc đánh giá lại dự trữ ngoại hối nhà nước trên Báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng Nhà nước để theo dõi sự tăng hoặc giảm giá trị dự trữ ngoại hối nhà nước bằng đồng Việt Nam nhằm phản ánh biến động về tỷ giá và giá vàng thuộc dự trữ ngoại hối nhà nước trên thị trường trong nước và quốc tế, không nhằm đánh giá việc thực hiện nguyên tắc sinh lời.

2. Thu nhập và chi phí phát sinh trong quá trình quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước được hạch toán vào thu nhập và chi phí nghiệp vụ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ về diễn biến quy mô và tình hình sử dụng dự trữ ngoại hối nhà nước, đồng gửi Bộ Tài chính.

2. Muộn nhất cuối quý I hằng năm và khi cần thiết, Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Tài chính về tình hình thực hiện quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước.

3. Muộn nhất cuối quý I hằng năm, Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ dự thảo báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về tình hình biến động dự trữ ngoại hối nhà nước của năm trước.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện:

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày/...../.....

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ